
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN LUẬT HÌNH SỰ 1

A. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

1. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự Việt Nam

*** Hiệu lực của BLHS theo không gian**

K1 Đ 5 BLHS 1999: "*Bộ luật hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*". Cần xác định các vấn đề sau:

- **Lãnh thổ VN theo Luật Hình sự gồm:** Lãnh thổ tự nhiên, lãnh thổ mở rộng, Lãnh sự quán, Đại sứ quán của VN ở nước ngoài

- **Hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ VN:**

+ Tội phạm được coi là thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam khi tội phạm ấy có một giai đoạn được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Hành vi phạm tội trên lãnh thổ của các đối tượng: công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại VN, người nước ngoài. Lưu ý đối với nhóm người được miễn trừ theo

K2 Đ 5 BLHS

- **Đối với hành vi phạm tội xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam:** Đối với công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam (K 1, Điều 6 BLHS 1999). Đối với người nước ngoài phạm tội ngoài (K2 Đ 6 BLHSVN)

*** Hiệu lực của BLHS theo thời gian**

Khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự 1999 "*điều luật được áp dụng đối với hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện*". Cần xác định các vấn đề:

- **Thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của BLHS** (Nghị quyết 32 xác định thời điểm phát sinh hiệu lực của BLHS 1999; Nghị quyết số 33/2009/QH12 xác định điểm phát sinh hiệu lực của bộ luật sửa đổi bổ sung 2009

- **Vấn đề hiệu lực hồi tố trong Luật Hình sự Việt Nam**

+ **Hiệu lực hồi tố là gì:** Hiệu lực hồi tố của đạo luật hình sự được hiểu là hiệu lực của đạo luật được áp dụng đối với hành vi phạm tội thực hiện trước khi đạo luật đó có hiệu lực thi hành

+ **Trường hợp áp dụng:** (khoản 3 Điều 7 BLHS 1999)

2. Tội phạm và phân loại tội phạm

- Khái niệm tội phạm được quy định tại: (K1 Điều 8 BLHS)

- Hiểu rõ các dấu hiệu (thuộc tính) của tội phạm để phân biệt với các hành vi vi phạm pháp luật khác

- Phân loại tội phạm: Khoản 2 Điều 8 BLHS phân chia tội phạm thành 4 loại. Làm rõ căn cứ phân loại tội phạm tại K2 Đ 8

Lưu ý: để nhận biết một tội phạm cụ thể là loại tội gì theo cách phân loại tội phạm của K2 Đ 8, chúng ta không căn cứ vào mức hình phạt mà một người bị áp dụng trên thực tế mà căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt được quy định trong BLHS đối với tội ấy

3. Cấu thành tội phạm

* **Khái niệm cấu thành tội phạm:**

- **Xét về mặt cấu trúc**, một tội phạm bao gồm 4 yếu tố cấu thành, mỗi yếu tố có những dấu hiệu nhất định. Chẳng hạn:

+ *Khách thể của tội phạm:* là quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Đối tượng tác động của khách thể

+ *Mặt khách quan của tội phạm bao gồm các dấu hiệu:* hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, thời gian địa điểm, hoàn cảnh phạm tội . . .

+ *Chủ thể của tội phạm* là con người cụ thể, đòi hỏi phải có 2 dấu hiệu bắt buộc: Năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Lưu ý chủ thể đặc biệt.

+ *Mặt chủ quan của tội phạm* là mặt bên trong của tội phạm, bao gồm lỗi, mục đích và động cơ phạm tội.

- **Cấu thành tội phạm là một hệ thống các dấu hiệu có tính đặc trưng cho một loại tội cụ thể được quy định trong luật hình sự.** Các dấu hiệu này thuộc nội dung của 4 yếu tố chủ thể, khách thể, khách quan, chủ quan

- **Những dấu hiệu bắt buộc luôn luôn được phản ánh trong mọi cấu thành tội phạm:**

Quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại (thuộc khách thể của tội phạm)

Hành vi nguy hiểm cho xã hội (thuộc mặt khách quan của tội phạm)

Lỗi (thuộc mặt chủ quan của tội phạm)

Năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự (thuộc chủ thể)

- **Dấu hiệu không bắt buộc phải có trong mọi cấu thành tội phạm:**

Đối tượng tác động của tội phạm (thuộc khách thể của tội phạm)

Hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, thời gian địa điểm, hoàn cảnh phạm tội . . . (thuộc mặt khách quan của tội phạm)

Mục đích, động cơ phạm tội (thuộc mặt chủ quan của tội phạm).

* **Phân loại cấu thành tội phạm**

- Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được CTTP phản ánh CTTP được phân thành: cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng, cấu thành tội phạm giảm nhẹ.

- Căn cứ vào đặc điểm cấu trúc trong mặt khách quan của CTTP, CTTP được phân thành: cấu thành tội phạm vật chất, cấu thành tội phạm hình thức

4. Các yếu tố cấu thành tội phạm

4.1. Mặt khách quan của tội phạm

- Mặt khách quan của tội phạm là gì?
- ý nghĩa của các dấu hiệu thuộc mặt khách quan: định tội, định khung hình phạt, là tình tiết tăng nặng giảm nhẹ khi quyết định hình phạt
- Các dấu hiệu cụ thể của mặt khách quan của tội phạm:
 - + Hành vi: khái niệm, đặc điểm, hình thức thể hiện
 - + Hậu quả của tội phạm: khái niệm, ý nghĩa pháp lý
 - + Phương tiện phạm tội, phương, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội

4.2. Mặt chủ thể của tội phạm

- Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.
- Điều kiện bắt buộc của chủ thể của tội phạm
 - + Đạt độ tuổi chịu TNHS mà luật quy định
 - + Có năng lực trách nhiệm hình sự
 - + Thực hiện hành vi phạm tội
- Cách quy định năng lực trách nhiệm hình sự trong BLHS

BLHS quy định năng lực trách nhiệm hình sự bằng 2 điều luật, Điều 12 quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự và Điều 13 quy định tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Một người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điều 12 và không ở trong tình trạng của điều 13 thì được xem là người có năng lực trách nhiệm hình sự

- Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự : *Sự thống nhất giữa dấu hiệu y học và dấu hiệu tâm lý*
 - Năng lực TNHS của người say do dùng rượu hoặc dùng chất kích thích mạnh khác
 - Vấn đề chủ thể đặc biệt và các dấu hiệu của chủ thể đặc biệt
 - Vấn đề nhân thân của người phạm tội

4.3. Mặt khách thể của tội phạm

- Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại.
- Đối tượng tác động của tội phạm

- Các loại khách thể của tội phạm, ý nghĩa của việc xác định các loại khách thể của tội phạm

4.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm. Đó là những biểu hiện về mặt tâm lý của người phạm tội khi thực hiện tội phạm bao gồm: lỗi, động cơ, mục đích.

- **Lỗi:** Khái niệm lỗi, các hình thức lỗi, lưu ý nội dung của lý trí và ý chí trong từng hình thức lỗi.

- Động cơ: là động lực thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

- Mục đích: là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội mong muốn đạt được khi thực hiện tội phạm.

- Ý nghĩa pháp lý của lỗi, động cơ, mục đích trong việc xác định trách nhiệm hình sự: ý nghĩa trong việc định tội, định khung và quyết định hình phạt

5. Các giai đoạn thực hiện tội phạm

- Các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ đặt ra đối với người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp

- Chuẩn bị phạm tội : Các dấu hiệu về mặt khách quan, chủ quan của chuẩn bị phạm tội. Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội

- Phạm tội chưa đạt: Các dấu hiệu về mặt khách quan, chủ quan của giai đoạn phạm tội chưa đạt, phân loại phạm tội chưa đạt. Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội

- Tội phạm hoàn thành: khái niệm, thời điểm của tội phạm hoàn thành và ý nghĩa của việc xác định thời điểm của tội phạm hoàn thành. Cần phân biệt *thời điểm tội phạm hoàn thành* với *thời điểm tội phạm kết thúc*.

- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội:

+ *Điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*

+ *Trách nhiệm hình sự*

6. Đồng phạm

- Khái niệm: Khoản 1 Điều 20 /BLHS.1999: "*đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*"

- Phân tích mặt khách quan và chủ quan trong đồng phạm

+ Ở mặt khách quan lưu ý các dấu hiệu về: Số lượng người tham gia, dấu hiệu hành vi, dấu hiệu hậu quả

+ Ở mặt chủ quan lưu ý các dấu hiệu về: lỗi, động cơ, mục đích. Lưu ý lỗi trong đồng phạm là lỗi cố ý, yếu tố lý trí và ý chí giữa những người đồng phạm phải có sự thống nhất

- Các loại người đồng phạm

+ Người thực hành, các dạng thực hành

+ Người tổ chức: K 2 Đ 20 BLHS "*Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm*".

+ Người xúi giục: "*Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm*". Một hành vi để được coi là xúi giục phải thỏa mãn các điều kiện sau: Hành vi xúi giục phải trực tiếp, hành vi xúi giục phải cụ thể, người xúi giục phải có ý định rõ ràng thúc đẩy người khác phạm tội.

+ Người giúp sức: "*Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm*". Điều kiện của hành vi giúp sức là phải được tiến hành trước khi tội phạm kết thúc. Hành vi giúp sức có thể là: Giúp sức về vật chất, giúp sức về tinh thần, lời hứa hẹn trước sẽ che giấu người phạm tội, tang vật, dấu vết tội phạm được xem là một dạng giúp sức về tinh thần

- Phân loại đồng phạm

+ Căn cứ vào dấu hiệu chủ quan, đồng phạm được phân ra thành đồng phạm không có thông mưu trước và đồng phạm có thông mưu trước

+ Căn cứ vào dấu hiệu khách quan, đồng phạm được chia thành đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp.

- Phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm

Khoản 3 Điều 20 /BLHS.1999 "*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*". Lưu ý dấu hiệu "*sự cấu kết chặt chẽ*" giữa những người đồng phạm

7. Phòng vệ chính đáng

- Định nghĩa: Điều 15/BLHS.1999. Phòng vệ chính đáng là quyền của công dân chứ không phải là nghĩa vụ. Mục đích của phòng vệ nhằm ngăn chặn đầy lùi hành vi tấn công, hạn chế bớt những thiệt hại mà hành vi tấn công gây ra hoặc đe dọa gây ra

- Các điều kiện của phòng vệ chính đáng

+ Các điều kiện làm phát sinh quyền phòng vệ: Có ba điều kiện làm cơ sở phát sinh quyền phòng vệ: *Có sự tấn công nguy hiểm đáng kể và trái pháp luật; Sự tấn công xâm phạm lợi nói chung; Sự tấn công phải đang hiện hữu nghĩa là hành vi tấn công phải đang xảy ra hoặc đe dọa xảy ra ngay tức khắc.*

+ Các điều kiện về nội dung và phạm vi phòng vệ: *Hành vi phòng vệ phải nhằm vào chính người đang có hành vi tấn công và thiệt hại gây ra cũng cho chính người có hành vi tấn công; Hành vi phòng vệ phải là cần thiết để ngăn chặn sự tấn công*

- Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Khoản 2 Điều 15 /BLHS.1999)

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự

8. Tình thế cấp thiết

- Định nghĩa: Điều 16/BLHS.1999

- Các điều kiện của tình thế cấp thiết

+ Điều kiện về tính chất của sự nguy hiểm: *Có sự nguy hiểm đáng kể do các nguồn nguy hiểm khác nhau gây ra; Sự nguy hiểm đe dọa đến lợi ích nói chung*

+ Điều kiện về tính chất của hành vi khắc phục: Chỉ được gây thiệt hại khi không còn biện pháp nào khác; thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết có thể gây ra cho người khác; lợi ích bị gây thiệt hại phải nhỏ hơn lợi ích cần bảo vệ

- Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (Khoản 2 Điều 16/BLHS.1999)

9. Trách nhiệm hình sự

- Các đặc điểm của trách nhiệm hình sự:

+ Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm

+ Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất

+ Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân của người phạm tội trước Nhà nước

+ Trách nhiệm hình sự được xác định bằng trình tự đặc biệt được

+ Trách nhiệm hình sự được phân tích trong bản án có hiệu lực của Tòa án

- Cơ sở của trách nhiệm hình sự

+ Cơ sở của trách nhiệm hình sự là căn cứ chung, có tính chất bắt buộc và do luật hình sự quy định mà chỉ có và phải dựa vào đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có thể đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự của người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội

+ Nội dung cơ sở của trách nhiệm hình sự: (Điều 2/BLHS 1999)

- Miễn trách nhiệm hình sự

+ Đặc điểm miễn TNHS

+ Các trường hợp miễn TNHS: Đ 25 ; Đ19 K3 Đ80; K 5, Đ107; K2,Đ105;

K2 Đ69; Đoạn 2 k6 Đ289; K6 Đ 290; K3 Đ314 BLHS

10. Hình phạt

- Khái niệm và đặc điểm của hình phạt

- Hệ thống hình phạt:

+ Khái niệm hệ thống hình phạt;

+ Hình phạt chính: đặc điểm, các loại hình phạt chính, nội dung và điều kiện áp dụng của từng loại

+ Hình phạt bổ sung: đặc điểm, các loại hình phạt chính, nội dung và điều kiện áp dụng của từng loại

11. Các biện pháp tư pháp

- Đặc điểm của các biện pháp tư pháp

- Các loại biện pháp tư pháp cụ thể:

+ Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm Đ41

+ Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại hoặc công khai xin lỗi

+ Bắt buộc chữa bệnh

12. Án treo

- Tính chất pháp lý của án treo
- Các căn cứ cho hưởng án treo (Khoản 1 Điều 60/BLHS)
 - + Mức phạt tù không quá 3 năm bất kể tội gì, trường hợp phạm nhiều tội...
 - + Người phạm tội có nhân thân tốt
 - + Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ
 - + Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù.
- Thời gian thử thách và cách tính thời gian thử thách
- Điều kiện thử thách và hậu quả pháp lý khi vi phạm điều kiện thử thách của án treo
- Áp dụng hình phạt bổ sung đối với người được hưởng án treo

B. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI

Đối với phần bài tập tình huống:

- Bài tập được xây dựng với tình huống và các câu hỏi nhỏ. Do vậy sinh viên nên trả lời lần lượt theo thứ tự bởi sau mỗi câu sẽ có thêm tình tiết mới.
- Sinh viên cần trả lời ngắn gọn, không lặp lại đề thi. Sinh viên sẽ phải đưa ra căn cứ pháp lý nếu đề thi có yêu cầu, nếu đề thi không yêu cầu thì khuyến khích sinh viên đưa ra cơ sở pháp lý.
- Sinh viên cần trình bày sát với nội dung câu hỏi, trình bày rõ ràng mạch lạc, đủ ý.
- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, mất thời gian vô ích.
- Phần nhận xét viết ngắn gọn và trình bày theo hiểu biết của mình. Không chép từ sách vào, nếu chép sẽ không được tính điểm.
- Chép bài người khác là vi phạm quy chế thi. Phần nội dung giống nhau trong bài thi sẽ không được tính điểm.

Đối với phần câu hỏi nhận định, sinh viên cần:

- Nắm chắc kiến thức, bám sát qui định của Luật Hình sự vì đề thi cũng chỉ ra sát với Luật Hình sự
- Đọc kỹ câu nhận định, tìm từ khóa của nhận định đó (sinh viên cần vận dụng kiến thức cơ bản đã được hướng dẫn tại môn Logic học).
- Không chép lại câu nhận định để tránh mất thời gian cho thí sinh cũng như giám khảo.
- Đưa ra ngay nhận định của mình là “Đúng” hoặc “Sai” một cách dứt khoát và giải thích, lập luận có căn cứ pháp lý để bảo vệ nhận định đó. Không có câu nhận định vừa đúng và vừa sai.

- Nên tránh trường hợp không đưa ra nhận định mà giải thích lòng vòng thì sinh viên sẽ không có điểm vì đề thi yêu cầu đưa ra nhận định và giải thích.
- Sinh viên chỉ đạt điểm khi đưa ra nhận định chính xác và giải thích đúng. Nếu chỉ đưa ra nhận định mà không giải thích hoặc chỉ giải thích mà không đưa ra nhận định thì cũng không đạt. Hoặc chỉ đưa ra nhận định và căn cứ pháp lý mà không kèm với lời giải thích thì sinh viên cũng không đạt điểm.

C. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP MẪU:

Đề thi mẫu:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

ĐỀ THI MÔN LUẬT HÌNH SỰ

Câu số 1: (6 điểm)

Do thiếu tiền tiêu nên A đã dùng kèm còng lực cắt khóa nhà của M để trộm cắp tài sản và lấy được một chiếc xe máy trị giá 46 triệu đồng. Hành vi của A được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS Tội trộm cắp tài sản.

Anh (chị) hãy xác định:

1. Tội phạm do A thực hiện là loại tội phạm gì nếu căn cứ Điều 8 BLHS? Tại sao?
2. Nếu A chỉ được 15 tuổi thì A có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp nêu trên không? Tại sao?
3. Loại và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của A gây ra?
4. Cần áp dụng biện pháp tư pháp nào trong vụ án này?

Câu số 2: (4 điểm)

Những nhận định sau đúng hay sai? Giải thích ngắn gọn vì sao?

1. Tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp và tội cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến hậu quả chết người chỉ giống nhau về hậu quả của tội phạm.
2. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 5 triệu đồng phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
3. Hành vi buôn bán hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh với số lượng lớn phạm tội buôn bán hàng cấm.
4. Đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu phải là tài sản đang thuộc sự quản lý của chủ sở hữu tài sản.

- Hết -

Đáp án mẫu:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN LUẬT HÌNH SỰ

Nội dung đáp án

Câu 1. (6 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
1	Căn cứ Điều 8 BLHS xác định: Tội phạm do A thực hiện là loại tội phạm ít nghiêm trọng	1.5
2	Dựa vào Điều 12 và Điều 8 BLHS để trả lời: Nếu A chỉ được 15 tuổi thì A không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp nêu trên	1.5
3	Loại và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của A gây ra: Thiệt hại về vật chất, mức độ là 46 triệu đồng.	1.5
4	Cần áp dụng biện pháp tư pháp: - Tịch thu vật trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 41) - Trả lại tài sản (Điều 42);	1.5

Câu 2 (4 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
1	Sai. Sai. Dựa vào dấu hiệu pháp lý tương đồng khác (ngoài dấu hiệu hậu quả) của hai tội phạm để giải thích	1.0
2	Sai. Dựa vào dấu hiệu pháp lý của tội phạm khác có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản	1.0
3	Sai. Dựa vào dấu hiệu buôn bán hàng cấm của tội phạm khác để giải thích	1.0
4	Sai. Dựa vào bản chất pháp lý của tội xâm phạm sở hữu để giải thích	1.0

- Hết -